

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TÀI SAFI

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

A member of  International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers.
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-20
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-20



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 063595 ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, số Giấy phép đăng ký kinh doanh mới của Công ty là 0301471330.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Mạnh Hà	Chủ tịch
Ông Hoàng Đăng Doanh	Ủy viên
Ông Phan Thông	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Cự	Ủy viên
Ông Trần Nguyên Hùng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Nguyên Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Cảnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Thông	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Sỹ Nhượng	Trưởng ban
Bà Phùng Thị Nga	Thành viên
Ông Hồ Anh Tuấn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2012



Số: 73 /2012/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được lập ngày 26 tháng 03 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phù định ý kiến kiểm toán viên ở trên, Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính rằng: Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo quy định của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp và theo đó chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo. Tuy nhiên, theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" thì các khoản chênh lệch do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Vì vậy, nếu Công ty hạch toán theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì toàn bộ khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 2.794.128.014 VND sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Bùi Văn Thảo

Giám đốc

Chung chi KTV số: 0522/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Anh Ngọc

Kiểm toán viên

Chung chi KTV số: 1437/KTV

35-00
HÀNH
G T V
LƯU HỮ
U TƯ
V N KẾ
T M T
HÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		69.307.137.129	78.217.459.687
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	39.824.329.413	46.531.209.773
111	1. Tiền		29.824.329.413	29.031.209.773
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	17.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		24.713.477.087	26.427.932.293
131	1. Phải thu của khách hàng		11.575.880.864	8.104.009.442
132	2. Trả trước cho người bán		325.156.469	230.871.817
135	5. Các khoản phải thu khác	4	12.812.439.754	18.093.051.034
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.769.330.629	5.258.317.621
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		103.076.823	292.531.976
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	156.164.227
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	5	4.666.253.806	4.809.621.418
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		125.450.523.276	122.733.560.576
220	II. Tài sản cố định		107.451.107.400	104.734.144.700
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	88.502.243.684	91.460.977.924
222	- Nguyên giá		109.638.080.708	108.497.204.814
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(21.135.837.024)	(17.036.226.890)
227	3. Tài sản cố định vô hình	6	9.550.368.263	9.683.230.739
228	- Nguyên giá		9.882.524.453	9.882.524.453
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(332.156.190)	(199.293.714)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7	9.398.495.453	3.589.936.037
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8	17.999.415.876	17.999.415.876
251	1. Đầu tư vào công ty con		8.657.473.876	8.657.473.876
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		7.736.380.000	7.736.380.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.605.562.000	1.605.562.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		194.757.660.405	200.951.020.263

CHỖ
HÀNG
VẬN
TOÁN
ĐỐI
HỢC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		60.769.203.467	74.947.554.566
310	I. Nợ ngắn hạn		60.419.770.772	74.712.683.805
312	2. Phải trả người bán		14.259.651.848	18.059.587.499
313	3. Người mua trả tiền trước		13.559.783.489	12.056.712.989
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	1.957.668.175	2.366.847.055
315	5. Phải trả người lao động		-	5.979.236.055
316	6. Chi phí phải trả		119.527.273	79.527.273
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	10	30.760.969.290	35.333.223.062
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(237.829.303)	837.549.872
330	II. Nợ dài hạn		349.432.695	234.870.761
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		349.432.695	234.870.761
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		133.988.456.938	126.003.465.697
410	I. Vốn chủ sở hữu	11	133.988.456.938	126.003.465.697
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		82.899.818.054	82.899.818.054
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		33.636.112.600	33.636.112.600
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		2.794.128.014	1.361.753.272
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		7.264.374.396	5.198.067.208
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.394.023.874	2.907.714.563
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		194.757.660.405	200.951.020.263

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		782.028,29	884.139,65


Võ Thị Phương Lan
Kế toán trưởngTrần Nguyễn Hùng
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12	139.145.322.815	121.714.394.362
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		139.145.322.815	121.714.394.362
11	4. Giá vốn hàng bán	13	119.311.767.695	105.509.036.958
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.833.555.120	16.205.357.404
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	12.408.767.173	15.948.716.375
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		7.018.698.768	7.689.183.034
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		25.223.623.525	24.464.890.745
31	11. Thu nhập khác		2.700.000	231.818.182
40	13. Lợi nhuận khác		2.700.000	231.818.182
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.226.323.525	24.696.708.927
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15	4.172.428.337	4.033.637.041
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>21.053.895.188</u>	<u>20.663.071.886</u>



Võ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng



Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
01	1. Lợi nhuận trước thuế		25.226.323.525	24.696.708.927
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		4.239.863.074	3.941.696.739
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(10.786.801.439)	(10.515.558.477)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		18.679.385.160	18.122.847.189
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		1.795.482.645	(4.180.403.680)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(14.931.187.082)	(6.035.618.282)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		189.455.153	(210.258.083)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.515.367.007)	(4.125.181.947)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		20.000.000	1.605.937.573
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.000.000)	(936.512.415)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.227.768.869	4.240.810.355
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8.482.373.526)	(6.714.983.937)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.700.000	231.818.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		-	(2.500.000.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.736.245.883	10.515.558.477
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.256.572.357	1.532.392.722
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.434.971.500)	(4.144.990.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(12.434.971.500)	(4.144.990.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(8.950.630.274)	1.628.212.577
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		46.531.209.773	43.821.528.924
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.243.749.914	1.081.468.272
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		39.824.329.413	46.531.209.773



Võ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng



Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 063595 ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, số Giấy phép đăng ký kinh doanh mới của Công ty là 0301471330.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 82.899.818.054 VND. Tương đương 8.289.982 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quảng Ninh	Số 10 Đường Lê Thánh Tông, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hải Phòng	Commercial Building, Số 22 Đường Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hà Nội	Trung tâm Thương mại Văn Hồ, Số 51 Đường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Đà Nẵng	Lô 39, Đường số 02, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quy Nhơn	Số 99 Đường Phan Đình Phùng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Vũng Tàu	Số 04 Đường Lê Lợi, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
- Xi nghiệp Đại lý Hàng hải và Giao nhận Hải Phòng	Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty có các công ty liên kết sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	Số 2A - 4A Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam	Số 473 Đường Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty có các công ty con sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi	Số 6A Đường Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH SITC Việt Nam	Phòng 419 - 420 - 421, TD - Business Center, Lô 20A, Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Hải Phòng

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 8.

35-0
KH
NG
MI
VU
HINH
KI
LTP
PH

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Đại lý vận tải;
- Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa;
- Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa;
- Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải;
- Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Mua bán thực phẩm tươi sống, đồ gỗ nội thất, quần áo may sẵn, giày dép, kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh và phụ kiện;
- Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận chuyển hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh);
- Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển;
- Sản xuất, mua bán bao bì, chèn lót;
- Đóng gói bao bì hàng hóa;
- Mua bán động vật sống, bò sát (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ), hàng thủy, hải sản;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Mua bán gốm sứ, sơn mài và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Vận tải đa phương quốc tế;
- Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ gỗ gia dụng, máy móc, thiết bị, phụ kiện hàng điện tử, điện lạnh (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Sản xuất, gia công quần áo, giày dép (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê vỏ container;
- Phát chuyển nhanh hàng hóa.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ phải trả dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" thì các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Nếu Công ty hạch toán theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì toàn bộ khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 2.794.128.014 VND sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2011.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.366.057.550	3.813.967.033
Tiền gửi ngân hàng	26.458.271.863	25.217.242.740
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng)	10.000.000.000	17.500.000.000
	<u>39.824.329.413</u>	<u>46.531.209.773</u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	23.692.022	-
Phải thu cước xuất phòng Air	7.187.856.947	14.709.006.811
Phải thu cước xuất phòng Sea	3.542.592.261	1.455.220.010
Phải thu cước THC phòng Sea	-	226.129.100
Phải thu cước nhập các hãng đại lý	1.110.465.208	787.527.167
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	50.555.556	-
Phải thu khác	897.277.760	915.167.946
	<u>12.812.439.754</u>	<u>18.093.051.034</u>

5 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tạm ứng	1.977.136.788	1.902.000.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.689.117.018	2.907.621.418
	<u>4.666.253.806</u>	<u>4.809.621.418</u>

3-006.
ANH
TY
HỮU
TU VÀ
KẾ T
TỌA
HÀ NỘI
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI
Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

6 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ VỐ HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Quyền sử dụng đất		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIA										
Số dư đầu năm	86.800.204.854	21.302.945.776	394.054.184	9.882.524.453					118.379.729.267	
Số tăng trong năm	-	1.117.852.000	50.738.182	-					1.168.590.182	
- Mua sắm mới	-	1.117.852.000	50.738.182	-					1.168.590.182	
Số giảm trong năm	-	(27.714.288)	-	-					(27.714.288)	
- Thanh lý, nhượng bán	-	(27.714.288)	-	-					(27.714.288)	
Số dư cuối năm	86.800.204.854	22.393.083.488	444.792.366	9.882.524.453					119.520.605.161	
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ										
Số dư đầu năm	10.601.886.091	6.241.195.310	193.145.489	199.293.714					17.235.520.604	
Số tăng trong năm	2.161.431.704	1.871.882.843	73.686.051	132.862.476					4.239.863.074	
- Trích khấu hao	2.161.431.704	1.871.882.843	73.686.051	132.862.476					4.239.863.074	
Số giảm trong năm	-	(7.390.464)	-	-					(7.390.464)	
- Thanh lý, nhượng bán	-	(7.390.464)	-	-					(7.390.464)	
Số dư cuối năm	12.763.317.795	8.105.687.689	266.831.540	332.156.190					21.467.993.214	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI										
Số dư đầu năm	76.198.318.763	15.061.750.466	200.908.695	9.683.230.739					101.144.208.663	
Số dư cuối năm	74.036.887.059	14.287.395.799	177.960.826	9.550.368.263					98.052.611.947	

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.345.736.438 VND



7 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	9.398.495.453	1.431.053.527
- Tòa nhà Văn phòng Công ty	9.398.495.453	1.431.053.527
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	2.158.882.510
- Kho Quận 7 - TP. HCM	-	1.455.500.000
- Kho tại TP. Đà Nẵng	-	703.382.510
	9.398.495.453	3.589.936.037

8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	8.657.473.876	8.657.473.876
- Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi	5.029.129.876	5.029.129.876
- Công ty TNHH SITC Việt Nam	3.628.344.000	3.628.344.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	7.736.380.000	7.736.380.000
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	4.350.780.000	4.350.780.000
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam	3.385.600.000	3.385.600.000
Đầu tư dài hạn khác	1.605.562.000	1.605.562.000
	17.999.415.876	17.999.415.876

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi (1)	TP. HCM	51,00%	51,00%	Đại lý vận tải
Công ty TNHH SITC Việt Nam (2)	Hải Phòng	51,00%	51,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển

(1) Theo Hợp đồng Liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi với Công ty Freightworld Pte.Ltd và Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000232 chứng nhận lần đầu ngày 06 tháng 05 năm 2008 vốn điều lệ của Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Cosfi là 600.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Safi góp 306.000 USD chiếm 51% vốn điều lệ; Công ty Freightworld Pte.Ltd góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

(2) Theo Hợp đồng Liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi với Công ty SITC Shipping Asia Pte.Limited và Giấy chứng nhận đầu tư số 021022000145 chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 05 năm 2009 vốn điều lệ của Công ty TNHH SITC Việt Nam là 400.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Safi góp 204.000 USD chiếm 51% vốn điều lệ; Công ty SITC Shipping Asia Pte.Limited góp 196.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam) (1)	TP. HCM	45,00%	45,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải
Công ty TNHH KCTC Việt Nam (2)	TP. HCM	23,00%	23,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

(1) Theo Hợp đồng Liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi (Bên A), Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyên giao công nghệ (Bên B), Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service (Bên C) vốn điều lệ của Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam) là 600.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Bên A góp 270.000 USD chiếm 45% vốn điều lệ; Bên B góp 36.000 USD chiếm 6% vốn điều lệ và Bên C góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

(2) Theo Hợp đồng Liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi (Bên A), Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn (Bên B), Công ty Cổ phần Tư vấn và Liên kết doanh nghiệp Việt (Bên C), KCTC (Bên D) và Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000233 chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 26/11/2008 vốn điều lệ của Công ty TNHH KCTC Việt Nam là 900.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Bên A góp 207.000 USD chiếm 23% vốn điều lệ; Bên B góp 92.000 USD chiếm 10% vốn điều lệ. Bên C góp 160.000 USD chiếm 18% vốn điều lệ và KCTC góp 441.000 USD chiếm 49%.

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu của Công ty CP Vinalines Logistic	1.500.000.000	1.500.000.000
Đầu tư trái phiếu	5.000.000	5.000.000
Đầu tư dài hạn khác (Thẻ hội viên gold)	100.562.000	100.562.000
	1.605.562.000	1.605.562.000

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	627.889.102	456.131.130
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	927.129.658	1.270.068.328
Các loại thuế khác	402.649.415	640.647.597
	1.957.668.175	2.366.847.055

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	785.610.729	568.949.189
Bảo hiểm xã hội	-	80.626.555
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	172.000.000	162.000.000
Phải trả cước nhập các hãng đại lý	23.345.377.211	22.569.058.755
Phải trả Chi nhánh Hà Nội	-	3.216.876.513
Phải trả Chi nhánh Đà Nẵng	2.635.035.732	3.892.200.301
Phải trả Chi nhánh Hải Phòng	1.746.032.028	1.659.320.850
Phải trả Chi nhánh Quy Nhơn	553.158.042	862.119.271
Phải trả, phải nộp khác	1.523.755.548	2.322.071.628
	30.760.969.290	35.333.223.062

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 39, Đường Đoàn Nhu Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

II - VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND						
Số dư đầu năm trước	82.899.818.054	33.636.112.600	33.636.112.600	276.360.650	-	3.281.512.944	(9.777.258.294)	110.316.545.954
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	20.663.071.886	20.663.071.886
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	1.916.554.264	(7.978.099.029)	(6.061.544.765)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(276.360.650)	-	-	-	(276.360.650)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	1.361.753.272	-	-	-	1.361.753.272
Số dư cuối năm trước	82.899.818.054	33.636.112.600	33.636.112.600	1.361.753.272	-	5.198.067.208	2.907.714.563	126.003.465.697
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	21.053.895.188	21.053.895.188
Phân phối lợi nhuận (1)	-	-	-	-	4.095.486.009	2.066.307.188	(8.228.100.386)	(2.066.307.189)
Chi trả cổ tức năm trước (1)	-	-	-	-	-	-	(12.434.971.500)	(12.434.971.500)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(1.361.753.272)	-	-	-	(1.361.753.272)
Tặng khate(2)	-	-	-	-	-	-	4.095.486.009	4.095.486.009
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	2.794.128.014	-	-	-	2.794.128.014
Giảm khate(2)	-	-	-	-	(4.095.486.009)	-	-	(4.095.486.009)
Số dư cuối năm nay	82.899.818.054	33.636.112.600	33.636.112.600	2.794.128.014	-	7.264.374.396	7.394.023.874	133.988.456.938

(1) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 01-2011/NQ-DHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2011, Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau:

Nội dung	Số tiền
	VND
- Trích Quỹ Dự phòng tài chính	2.066.307.188
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	4.095.486.009
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.066.307.189
- Chi trả cổ tức	12.434.971.500
Tổng	20.663.071.886

(2) Công ty sử dụng Quỹ Đầu tư phát triển được phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm để bù đắp lợi nhuận chưa phân phối bị âm do ảnh hưởng của việc Công ty thực hiện chi trả từ Quỹ Đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối dựa trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009.

TP. KIẾN ANH
SNG
1101

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.899.818.054	82.899.818.054
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	82.899.818.054	82.899.818.054
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	82.899.818.054	82.899.818.054
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.434.971.500	4.144.990.500
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	12.434.971.500	4.144.990.500

c) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.289.982	8.289.982
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.289.982	8.289.982
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.289.982	8.289.982
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.289.982	8.289.982
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.289.982	8.289.982
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

d) Các quỹ công ty

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ dự phòng tài chính	7.264.374.396	5.198.067.208
	<u>7.264.374.396</u>	<u>5.198.067.208</u>

12 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	139.145.322.815	121.714.394.362
	<u>139.145.322.815</u>	<u>121.714.394.362</u>

13 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	119.311.767.695	105.509.036.958
	<u>119.311.767.695</u>	<u>105.509.036.958</u>

14 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	2.250.191.259	1.881.397.713
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.536.610.180	8.634.160.764
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.621.965.734	5.433.157.898
	<u>12.408.767.173</u>	<u>15.948.716.375</u>

-006
NH
TY
KHU
TU V
KẾT
TỔA
S NÔI
P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TÀI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

15 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.226.323.525	24.696.708.927
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.536.610.180)	(8.562.160.764)
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ)	-	72.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm (có tức, lợi nhuận được chia)	(8.536.610.180)	(8.634.160.764)
Tổng lợi nhuận chịu thuế	16.689.713.345	16.134.548.163
Tổng lợi nhuận tính thuế	16.689.713.345	16.134.548.163
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.172.428.337	4.033.637.041
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.172.428.337	4.033.637.041
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.270.068.328	1.361.613.234
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.515.367.007)	(4.125.181.947)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	927.129.658	1.270.068.328

16 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM


Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

17 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.



Võ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng



Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2012